TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 74/2023/HNGĐ-ST Ngày 12-7-2023 "V/v tranh chấp ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Văn Truyền

2. Bà Nguyễn Thị Oanh Thy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Bà Lê Hà Thảo Quyên – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 226/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023, về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh V, sinh năm 1973;

Địa chỉ: số A ấp C, xã P, huyện B, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 1981;

Địa chỉ: số A ấp C, xã P, huyện B, tỉnh Long An.

(Tất cả có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2023, bản tự khai và các lời trình bày trong các Biên bản tại Toà án, nguyên đơn ông Nguyễn Minh V trình bày:

Ông V và bà Nguyễn Thị Tuyết S được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2003 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Long An ngày 11/8/2003 (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79). Cuộc sống vợ chồng sống

chung hạnh phúc được khoảng 07 năm đầu. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cải vả do không có tiếng nói chung, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Ban đầu chỉ phát sinh những mâu thuẫn nhỏ nhặt nhưng tích tụ thời gian dài làm cho cuộc sống vợ chồng ngột ngạt, lạnh nhạt và không còn tình cảm. Trước khi nộp đơn khởi kiện dù vợ chồng sống chung nhà nhưng sinh hoạt riêng, ăn riêng, ngủ riêng, không sinh hoạt vợ chồng, không còn nói chuyện và quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng không hiệu quả nên ông mới nộp đơn khởi kiện. Từ khi nộp đơn khởi kiện đến nay vợ chồng đã ly thân, không còn sống chung. Nay ông V nhận thấy không còn tình cảm với bà S, không thể nói chuyện chung, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết S.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh P sinh ngày 03/4/2004 và Nguyễn Thị Mỹ D sinh ngày 28/6/2009. Con chung tên Nguyễn Minh P đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Đối với con chung Nguyễn Thị Mỹ D thì ông đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết S nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 8/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết S trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông V về quan hệ hôn nhân, con chung nhưng không thống nhất về mâu thuẫn vợ chồng. Theo bà thì quan hệ vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng vẫn đầm ấm hạnh phúc. Trong quá trình sống chung, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh P sinh ngày 03/4/2004 và Nguyễn Thị Mỹ D sinh ngày 28/6/2009 hiện đang sống chung với bà. Nguyên nhân ông V yêu cầu ly hôn chỉ phát sinh từ hiểu lầm nhỏ vào ngày 10/5/2023, ông V lớn tiếng, cự cải với bà và từ đó đến nay không nói chuyện, không ăn chung và không sinh hoạt vợ chồng. Ngoài ra không có phát sinh mâu thuẫn gì lớn. Từ ngày 05/6/2023 thì ông V ngủ ở nhà cha mẹ hoặc chị gái của ông, không ngủ ở nhà nên vợ chồng vẫn chưa hàn gắn tình cảm được. Bà xác định vẫn còn thương chồng, thương con nên không đồng ý ly hôn với ông V và không yêu cầu giải quyết gì về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, ông V vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà S vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, ông đã hết tình cảm với bà S nên không thể sống chung với nhau. Bà S không đồng ý ly hôn vì còn thương chồng, thương con và mong muốn ông V rút đơn khởi kiện để vợ chồng cùng hàn gắn tình cảm và nuôi dạy con; Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V thì bà đồng ý nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Mỹ D sinh ngày 28/6/2009, không yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội

đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Ông V và bà S có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông V xác định ông không còn tình cảm với bà S, vợ chồng đã không còn sống chung và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và kiên quyết yêu cầu được ly hôn với bà S; bà S cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng nhưng cũng thừa nhận hiện nay hai vợ chồng không còn sống chung và bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không V vẫn không thay đổi ý kiến, bà S không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, hiện nay giữa ông V và bà S không còn sống chung với nhau là đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng, bà S yêu cầu hàn gắn nhưng ông V vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn nên cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V.

Về con chung: Ông V và bà S thống nhất xác định có hai con chung tên Nguyễn Minh P sinh ngày 03/4/2004 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Mỹ D sinh ngày 28/6/2009. Ông V đồng ý giao con chung Nguyễn Thị Mỹ D cho bà Nguyễn Thị Tuyết S nuôi dưỡng sau khi ly hôn, bà S cũng có ý kiến muốn được nuôi con nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V, ý kiến của con chung Nguyễn Thị Mỹ D cũng muốn ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, giao con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D cho bà S nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù bà S không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung nhưng ông V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng từ tháng 8/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp qui định pháp luật nên đề nghị ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của ông V.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Ông Nguyễn Minh V yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết S. Căn cứ Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Ly hôn", bà S đang sinh sống tại xã P, huyện B, tỉnh Long An nên thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Minh V thấy rằng: Ông Nguyễn Minh V và bà Nguyễn Thị Tuyết S tổ chức đám cưới năm 2003 và có đăng ký kết hôn vào ngày 11/8/2003 tại UBND xã P nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp

pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo ông V trình bày vợ chồng sống chung hạnh phúc trong khoảng thời gian 07 năm đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không hợp và không có tiếng nói chung, mâu thuẫn hàng ngày nhỏ nhặt nhưng kéo dài nên vợ chồng đã không còn tình cảm, hai bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 5/2023. Bà S cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, trước khi ông V nộp đơn khởi kiện thì cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc, việc ông V yêu cầu ly hôn với bà là không có cơ sở và bà vẫn còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn. Ông V và bà S xác định vợ chồng không còn sống chung từ đầu tháng 6/2023 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, ông V và bà S hiện nay không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có mở các phiên hòa giải để ông V, bà S có giải pháp đoàn tụ nhưng ông V xác định không còn tình cảm và vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn với bà S. Bà S xác định còn tình cảm với ông V và không đồng ý ly hôn nhưng bà S không đưa ra được giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa ông V và bà S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của ông V là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, ông V và bà S có hai con chung tên Nguyễn Minh P sinh ngày 03/4/2004 và Nguyễn Thị Mỹ D sinh ngày 28/6/2009. Con chung Nguyễn Minh P hiện nay đã trưởng thành và ông V, bà S không không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Đối với con chung Nguyễn Thị Mỹ D hiện đang sống chung với bà S và có nguyện vọng được sống chung với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Ông V yêu cầu bà S tiếp tục nuôi dưỡng con chung thì bà S đồng ý. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D cho bà S được quyền nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nhưng ông V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 8/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc ông V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp qui định Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Hội động xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Minh V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, 107, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh V. Cho ông Nguyễn Minh V ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết S.

2. Về con chung: Ông V và bà S thống nhất xác định có hai con chung tên Nguyễn Minh P sinh ngày 03/4/2004 (đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Nguyễn Thị Mỹ D sinh ngày 28/6/2009. Bà Nguyễn Thị Tuyết S được quyền nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Minh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 8/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Minh V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009860 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Ông Nguyễn Minh V phải nộp tiếp 300.000 đồng.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Cục THADS huyện Bến Lức;
- UBND xã Phước Lợi (GCNKH số 79 ngày 11/8/2003;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Thị Miên